TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:97/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Trịnh Ngọc Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị Loan T**, sinh năm 1987
HKTT: số 656/4/17, tổ 4, khu 9, thị trấn TP, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
-*Bị đơn*: Anh **Lâm Thanh H**, sinh năm 1988
HKTT: số 656/2/1B, tổ 6, khu 9, thị trấn TP, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
(Nguyên đơn có đơn giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Loan T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 53, quyển số 01/2011 ngày 28-3-2011 tại UBND thị trấn TP, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung hạnh phúc được 01 thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H là người nghiện ma túy, đã nhiều lần đi cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai nhưng khi trở về lại tiếp tục tái nghiện lại đồng thời lại không có việc làm ổn định, cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn gay gắt cãi nhau và đánh nhau. Đã 02 năm nay chị và anh H không còn sống chung. Chị nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Thanh H.

- Về nuôi con: Chị và anh H có 01 con chung Lâm Hoàng Y, sinh ngày 17/01/2010. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H không đến Tòa án tham gia tố tụng, do anh H sáng đi tối về nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn cũng như không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Đồng thời đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến; không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao con chung Lâm Hoàng Y cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Lâm Thanh H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khu 9, thị trấn TP, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 26/04/2022, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc chị T xin ly hôn với anh H. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh H là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 53, quyển số 01/2011, ngày 28/03/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TP, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh ngày 21/6/2022 thể hiện do anh H là người nghiện ma túy, đã từng đi cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai nhiều lần nhưng vẫn tái nghiện trở lại. Anh không có việc làm thu nhập nên suốt ngày tụ tập bạn bè rong chơi không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nên thường xuyên cãi và đánh nhau, gia đình có chứng kiến và khuyên nhủ nhưng không hàn gắn được tình cảm. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nhưng anh H không đến Tòa án, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị T và anh H đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho chị T được ly hôn với anh H.

- Về nuôi con chung: Đối với con chung Lâm Hoàng Y, sinh ngày 17/01/2010 hiện nay chị T đang nuôi dưỡng. Chị T làm công nhân theo Hợp đồng lao động của Công ty TNHH Fashion Garments 2 tại khu công nghiệp Tân Phú, có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/tháng và sinh sống cùng với cha mẹ ruột nên đủ điều kiện nuôi con. Anh H không có việc làm thu nhập và là người nghiện ma túy nhiều năm nên không đủ điều kiện nuôi con. Quá trình hòa giải về nuôi con chung thì anh H cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Tại đơn nguyện vọng thì cháu Y cũng mong muốn được mẹ nuôi dưỡng. Do cháu Y là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao con chung Hoàng Yến cho chị T được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Loan T.

- Về hôn nhân: Chị Mai Thị Loan T được ly hôn với anh Lâm Thanh H.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Lâm Hoàng Y, sinh ngày 17/01/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Chị Mai Thị Loan T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002471 ngày 26/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị T và anh H biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn TP, số 53, quyển số 01/2011 ngày 28/3/2011 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan